

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 116/2024/DS-ST

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn; Bà Đặng Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-DS ngày 08/01/2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S - Số A P, phường B, Quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Tầng F, Tòa nhà P - Số B, đường U, phường B, Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Q1 – V1.

Bà Trần Thị Thu H uỷ quyền lại cho ông Trần Minh H1, cán bộ Ngân hàng TMCP Q (Giấy uỷ quyền số 199282.23 ngày 29/11/2023). Có mặt

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh H2, sinh năm 1984. Vắng mặt

Bà Hồ Thị Trúc A, sinh năm 1984. Vắng mặt

Nơi cư trú: Số A, đường Á, tổ E, khóm B, phường B, thành phố L, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2023 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng trình bày: Ngày 03/6/2022, Ngân hàng TMCP Q - V1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký Hợp đồng số 1551318.22 cấp tín dụng cho ông Trần Thanh H2, bà Hồ Thị Trúc A, số tiền vay là 3.380.000.000 đồng, thời hạn vay 300 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,9%, áp dụng trong 12 tháng đầu tiên, hết thời hạn trên thì lãi suất điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,7%/năm, trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, kỳ đầu vào ngày 20/6/2022. Ngân hàng đã giải ngân cho ông H2, bà Trúc A vào ngày 08/6/2022 theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4645573.22, số tiền giải ngân là 3.380.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay, ông H2, bà Trúc A có thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp ngày 07/6/2022, tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BM 497221, số vào sổ CH03592, thửa đất số 350, tờ bản đồ số 42, đất tại số H, đường C, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 09/01/2013 chỉnh lý biến động ngày 31/5/2022 cho ông H2, bà Trúc A. Trong quá trình vay, ông H2, bà Trúc A đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền 178.264.293 đồng, trong đó tiền vay là 56.330.000 đồng, trả lãi là 121.934.293 đồng thì ngưng và khoản vay nêu trên đã quá hạn thanh toán từ ngày 21/11/2022, vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo nội dung Hợp đồng tín dụng và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H2, bà Trúc A liên đới nghĩa vụ thanh toán số tiền vay, lãi tính đến hết ngày 25/3/2024 là 4.018.051.001 đồng, trong đó tiền vay là 3.323.670.000 đồng, tiền lãi là 694.381.001 đồng và yêu cầu tính lãi theo Hợp đồng tín dụng từ ngày tiếp theo của ngày 25/3/2024 cho đến khi ông H2 và bà Trúc A thanh toán xong nợ. Trường hợp ông H2, bà Trúc A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp 07/6/2022. Ông H2 và bà Hồ Thị Trúc A có sửa chữa, nâng cấp làm thay đổi giá trị của tài sản thế chấp thì được coi là bộ phận không thể tách rời của tài sản để thu hồi nợ; Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo không đủ thanh toán thì ông H2 và bà Trúc A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ.

Bị đơn Trần Thanh H2 và Hồ Thị Trúc A vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Minh H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn Trần Thanh H2, Hồ Thị Trúc A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q, buộc ông Trần Thanh H2, bà Hồ Thị Trúc A có nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền gốc, lãi chưa thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 1551318.22 ngày 03/6/2022, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4645573.22 ngày 08/6/2022 đã ký cho đến khi thanh toán hết số nợ đã vay cho Ngân hàng và xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Nguyên đơn ủy quyền cho ông Trần Minh H1 tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án. Văn bản ủy quyền phù hợp theo quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bị đơn được Tòa án cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do. Ngoài ra, bị đơn có nơi cư trú rõ ràng và được chính quyền địa phương xác nhận có đăng ký thường trú tại địa chỉ theo tại hợp đồng tín dụng. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ, thể hiện: Ngày 03/6/2022, giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Trần Thanh H2, bà Hồ Thị Trúc A ký Hợp đồng tín dụng số 1551318.22 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế

ước nhận nợ số 4645573.22 ngày 08/6/2022. Ngân hàng giải ngân cho ông H2, bà Trúc A số tiền vay là 3.380.000.000 đồng, thời hạn vay 300 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân, đồng thời ký Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H2, bà Trúc A đã trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi được 178.264.293 đồng, trong đó nợ gốc là 56.330.000 đồng, trả lãi là 121.934.293 đồng thì ngưng và khoản vay nêu trên đã quá hạn thanh toán từ ngày 21/11/2022. Như vậy, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản của bên cho vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H2, bà Trúc A thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền vay, lãi tính đến hết ngày 25/3/2024 là 4.018.051.001 đồng, trong đó tiền vay là 3.323.670.000 đồng, tiền lãi là 694.381.001 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày tiếp theo của ngày 25/3/2024 cho đến khi ông H2 và bà Trúc A thanh toán xong nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ để đảm bảo cho việc thi hành án là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 800.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn chi phí tố tụng nêu trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 68, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227 khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q. Buộc ông Trần Thanh H2, bà Hồ Thị Trúc A phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền vay, lãi tính đến hết ngày 25/3/2024 là 4.018.051.001 đồng, trong đó tiền vay là 3.323.670.000 đồng, tiền lãi là 694.381.001 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/3/2024, ông Trần Thanh H2, bà Hồ Thị Trúc A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1551318.22 ngày 03/6/2022 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số 4645573.22 ngày 08/6/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Trần Thanh H2, bà Hồ Thị Trúc A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 664.7916676.22 ngày 07/6/2022 để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ. Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo không đủ thanh toán thì ông H2 và bà Trúc A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng.

[2] Về chi phí tố tụng: Bị đơn Trần Thanh H2, Hồ Thị Trúc A phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q chi phí xem xét thẩm định đối với tài sản thế chấp là 800.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm

Bị đơn Trần Thanh H2, Hồ Thị Trúc A phải có nghĩa vụ liên đới nộp 112.018.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q số tiền 53.980.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001395 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Quốc Nam